TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 15 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 73/2025/HNGĐ-ST Ngày: 26-9-2025 V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 15 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Thanh Phong.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Thái Bình Hòa.
2. Ông Nguyễn Minh Trí.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Vân – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 15 – Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 15 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà: Bà Đặng Thị Thanh Trúc - Kiểm sát viên

Ngày 26 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 15 – Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 184/2025/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 04 năm 2025 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 51/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Thanh H, sinh năm 1981; Số CCCD: 074081009711 cấp ngày 27/12/2021; địa chỉ thường trú: Số B đường T, tổ C, khu phố C, phường Đ, Thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường C Thành phố Hồ Chí Minh). Địa chỉ liên hệ: Số A P, phường C, Thành phố Hồ Chí Minh, có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Bà Thân Thị Thanh T, sinh năm 1985; Số CCCD: 074185016851; địa chỉ thường trú: Số B đường T, tổ C, khu phố C, phường Đ, Thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường C Thành phố Hồ Chí Minh), vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Nguyên đơn ông Nguyễn Thanh H trình bày:* Ông Nguyễn Thanh H và bà Thân Thị Thanh T tự nguyện tìm hiểu, chung sống và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân

dân phường Đ, Thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường C Thành phố Hồ Chí Minh) theo Giấy chứng nhận kết hôn số 17/2014 ngày 12/3/2014. Cuộc sống vợ chồng thời gian đầu rất hạnh phúc, tuy nhiên những năm gần đây chúng tôi phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do giữa vợ chồng không hợp tính tình, bất đồng quan điểm, thường xuyên tranh cãi và không còn có tiếng nói chung trong cuộc sống. Mâu thuẫn giữa vợ chồng ngày càng trầm trọng, không thể hàn gắn được, cuộc sống vợ chồng giờ đây không còn tình cảm và không còn muốn sống chung cùng nhau, chúng tôi đã sống ly thân với nhau gần 01 năm nay và bà T đã về sống với cha mẹ bà T1, không quan tâm gì đến gia đình. Trong thời gian chung sống vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Hồng Thủy N, sinh ngày 11/03/2006 và Nguyễn Hồng Thủy T2, sinh ngày 26/01/2014.

Nay yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Thanh H yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với bà Thân Thị Thanh T.

Về con chung: Sau khi ly hôn, Bà Thân Thị Thanh T là người trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng đối với con chung tên Nguyễn Hồng Thủy T2, sinh ngày 26/01/2014. Đối với cháu Nguyễn Hồng Thủy N, sinh ngày 11/03/2006 vì đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

Về cấp dưỡng con chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn bà Thân Thị Thanh T trình bày:* Quá trình tố tụng giải quyết Tòa án ban hành thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên hòa giải, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, chuyển giao tài liệu, chứng cứ nguyên đơn khởi kiện, thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và quyết định đưa vụ án ra xét xử công khai tại Tòa án nhưng bị đơn bà Thân Thị Thanh T không đến Tòa án cũng không có văn bản trình bày ý kiến của mình trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu: Từ khi thụ lý vụ án đến trước phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, Bị đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70 Bộ luật Tố tụng dân sự. Về phần thủ tục Kiểm sát viên không có kiến nghị khắc phục gì thêm.

Về việc giải quyết vụ án: Về nội dung, căn cứ theo các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Thanh H được ly hôn với bà Thân Thị Thanh T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

1.1. Về quan hệ pháp luật: Ông Nguyễn Thanh H có đơn xin ly hôn, tranh chấp nuôi con chung với bà Thân Thị Thanh T. Như vậy, quan hệ pháp luật là: "Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung" theo quy định tại Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

1.2. Về sự tham gia phiên tòa của các đương sự: Bị đơn bà Thân Thị Thanh T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng bà Thân Thị Thanh T không đến Tòa án để tham gia phiên tòa sơ thẩm. Do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Nguyên đơn ông Nguyễn Thanh H có đơn xin giải quyết vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự.

[2] *Về nội dung vụ án*: Ông Nguyễn Thanh H và bà Thân Thị Thanh T tự nguyện tìm hiểu, chung sống và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Đ, Thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường C Thành phố Hồ Chí Minh) theo Giấy chứng nhận kết hôn số 17/2014 ngày 12/3/2014 đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Ông Nguyễn Thanh H cho rằng cuộc sống vợ chồng thời gian đầu rất hạnh phúc, tuy nhiên những năm gần đây phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do giữa vợ chồng không hợp tính tình, bất đồng quan điểm, thường xuyên tranh cãi và không còn có tiếng nói chung trong cuộc sống. Mâu thuẫn giữa vợ chồng ngày càng trầm trọng, không thể hàn gắn được, cuộc sống vợ chồng giờ đây không còn tình cảm và không còn muốn sống chung cùng nhau, ông H và bà T đã sống ly thân với nhau và bà Thân Thị Thanh T đã về sống với cha mẹ bà T, không quan tâm gì đến gia đình. Quá trình tố tụng giải quyết Tòa án ban hành thông báo về phiên hòa giải, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, chuyển giao tài liệu, chứng cứ nguyên đơn khởi kiện, thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và quyết định đưa vụ án ra xét xử công khai tại Tòa án bị đơn bà Thân Thị Thanh T không đến Tòa án cũng không có văn bản trình bày ý kiến của mình trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Như vậy, thể hiện bị đơn bà Thân Thị Thanh T vắng mặt không có lý do chính đáng là đã tự từ bỏ quyền tố tụng và nghĩa vụ chứng minh của mình và phải chịu hậu quả pháp lý từ việc này. Do đó, hội đồng xét xử chỉ xem xét các chứng cứ do nguyên đơn xuất trình và do Tòa án thu thập.

[3] Về con chung: Ông Nguyễn Thanh H và bà Thân Thị Thanh T có 02 con chung tên Nguyễn Hồng Thủy N, sinh ngày 11/03/2006 vì đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

Đối với cháu Nguyễn Hồng Thủy T2, sinh ngày 26/01/2014 hiện đang số với bà Thân Thị Thanh T, tại văn bản trình bày của cháu Nguyễn Hồng Thủy T2 yêu cầu được sống với mẹ là bà T. Do đó bà T là người trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng đối với con chung tên Nguyễn Hồng Thủy T2, sinh ngày 26/01/2014.

Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét giải quyết

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[5] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông Nguyễn Thanh H phải nộp theo quy định của pháp luật.

[6] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Thanh H về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung" đối với bị đơn bà Thân Thị Thanh T.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Thanh H được ly hôn với bà Thân Thị Thanh T.

1.2. Về con chung: Bà Thân Thị Thanh T là người trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng đối với con chung tên Nguyễn Hồng Thủy T2, sinh ngày 26/01/2014.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người đang trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con chưa thành niên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi có đơn yêu cầu.

- Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí sơ thẩm: Ông Nguyễn Thanh H nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ hết vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tạm ứng trước đây theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001525 ngày 24/03/2025 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một.

3. Án xử sơ thẩm công khai, đương sự (hoặc người đại diện đương sự) có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tống đạt hợp lệ bản án sơ thẩm. Viện Kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh
- VKSND Khu vực 15 Thành phố HCM
- THADS Thành phố Hồ Chí Minh
(Phòng THADS Khu vực 15 Thành phố HCM)
- UBND phường Chánh Hiệp, Thành phố HCM
- Đương sự;
- Lưu: HS, Vp.

Nguyễn Thanh Phong